

Số: 0520/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/12/2021;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 2232/2025/TLST-VHNGĐ ngày 31/12/2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1/ Ông Hà Nhật T, sinh ngày 23/10/1983.

CCCD số: 074083000086 do Cục trưởng Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 22/12/2021.

Địa chỉ: 5 T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Đặng Anh T1, sinh ngày 26/5/1989.

CCCD số: 079189004934 do Cục trưởng Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 22/12/2021.

Địa chỉ: 5 T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Trích lục kết hôn số 144/TLKH-BS ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân phường E, quận P (nay là phường Đ),

Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Hà Nhật T và bà Đặng Anh T1 là hợp pháp. Ông T và bà T1 thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung:

Căn cứ vào Giấy khai sinh số 180, quyển số 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân phường A, Quận D (nay là phường V), Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định ông T và bà T1 có con chung tên Hà Văn Thăng L, sinh ngày 01/11/2012.

Ông T và bà T1 cùng thống nhất giao con chung là Hà Văn Thăng L cho bà T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Hà Nhật T và bà Đặng Anh T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về Tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: Ông T và bà T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà T1 và ông T mỗi người chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0047575 ngày 09/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T1 và ông T đã nộp đủ lệ phí.

[6] Xét thấy các đương sự thật sự tự nguyện ly hôn. Việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Nhật T và bà Đặng Anh T1 thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Ông T và bà T1 có 01 con chung tên Hà Văn Thăng L, sinh ngày 01/11/2012.

Giao con chung là trẻ tên Hà Văn Thăng L, sinh ngày 01/11/2012 cho bà T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, Tòa án quyết định thay đổi

người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông T và bà T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà T1 và ông T mỗi người chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0047575 ngày 09/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T1 và ông T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV5-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND phường Đức Nhuận;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Dương

Lê Tuấn

Nguyễn Lê Hoàng Yến